



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1
CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG
225 BẾN CHƯƠNG DƯƠNG Q.1, TP. HCM

Tel : (08) 38367734 - 38368878

Fax : 38360582

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ISO 9001:2000

Số : 3.16...../CDC-TCKT

(V/v :Bổ sung thuyết minh BCTC

quý 3/2014)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính “ Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”

Công ty cổ phần Chương Dương xin bổ sung với Quý Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM về thuyết minh báo cáo tài chính Công mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2014 , cụ thể như sau:

- Bổ sung báo cáo bộ phận , Thuyết minh về công cụ Tài chính – Trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 3/2014.
- Thuyết minh về các bên liên quan, Bổ sung báo cáo bộ phận , Thuyết minh về công cụ Tài chính – Trong phần thuyết minh Báo cáo Tài chính Hợp Nhất quý 3/2014.

(Đính kèm Bảng thuyết minh báo cáo Tài chính Công ty mẹ, và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2014)

Công ty cổ phần Chương Dương cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đã công bố.

Trân trọng kính chào!

Nơi gửi : - Như trên
- Lưu TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG



KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Văn Minh Hoàng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT BỔ SUNG
QUÝ 3/2014****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty CP Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Phải trả tiền khối lượng Thanh toán tiền khối lượng	581,847,368

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Công ty CP Tháp Nam Việt	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	259,999,901

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Bất động sản	Dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp	10,289,004,202	30,755,152,928	7,833,028,894	48,877,186,024
Giá vốn hàng bán	8,165,480,100	27,679,637,635	3,825,733,690	39,670,851,425
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	2,123,524,102	2,123,524,102	2,123,524,102	6,370,572,306
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định, Bất động sản	13,003,456,942		55,932,994,321	68,936,451,263
Các khoản phải thu	110,139,128,524	36,976,299,926	1,967,626,694	149,083,055,144
Hàng tồn kho	61,393,702,927	418,250,069,449		479,643,772,376
Tài sản chung				293,738,804,634
Tổng tài sản	184,536,288,393	184,536,288,393	184,536,288,393	773,382,577,010
Nợ phải trả bộ phận	71,670,438,158	34,013,766,525	1,128,215,995	106,812,420,678
Phải trả vay ngân hàng	139,746,063,468	138,295,800,000		278,041,863,468
Nợ phải trả không phân bổ				136,130,155,949
Tổng nợ phải trả				520,984,440,095

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là Xây lắp và Kinh doanh Bất động sản trong cùng khu vực địa lý không có sự khác biệt về

3. Công cụ tài chính**3.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

3.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.15.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2014	1/1/2014	30/09/2014	1/1/2014
	đồng	đồng	đồng	đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương	25,234,609,920	22,011,292,339	25,234,609,920	22,011,292,339
Phải thu khách hàng	149,083,055,144	176,195,964,879	149,083,055,144	176,195,964,879
Phải thu khác	3,062,733,060	2,794,914,549	3,062,733,060	2,794,914,549
Cộng	177,380,398,124	201,002,171,767	177,380,398,124	201,002,171,767
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	53,768,578,248	63,312,225,756	53,768,578,248	63,312,225,756
Chi phí phải trả	51,252,160,801	51,997,306,781	51,252,160,801	51,997,306,781
Các khoản phải trả khác	53,043,842,430	37,743,036,961	53,043,842,430	37,743,036,961
Các khoản vay	278,041,863,468	287,379,356,342	278,041,863,468	287,379,356,342
Cộng	436,106,444,947	440,431,925,840	436,106,444,947	440,431,925,840

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để
- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	389,606,444,947	54,418,250,358	444,024,695,305
Các khoản vay	231,541,863,468	46,500,000,000	278,041,863,468
Phải trả người bán	53,768,578,248	-	53,768,578,248
Chi phí phải trả	51,252,160,801	-	51,252,160,801
Phải trả khác	53,043,842,430	7,918,250,358	60,962,092,788
Số đầu năm	390,431,925,840	65,559,047,245	455,990,973,085
Các khoản vay	237,379,356,342	50,000,000,000	287,379,356,342
Phải trả người bán	63,312,225,756		63,312,225,756
Chi phí phải trả	51,997,306,781		51,997,306,781
Phải trả khác	37,743,036,961	15,559,047,245	53,302,084,206

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người đại diện pháp luật



Trần Mai Cường

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3/2014- BỔ SUNG**Báo cáo bộ phận và Công cụ Tài chính - Quý 3/2014****1. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh - Quý 3/2014**

	Xây lắp	Bất động sản	Dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,289,004,202	30,755,152,928	7,714,847,076	48,759,004,206
Giá vốn hàng bán	8,531,360,933	27,679,637,635	3,785,273,690	39,996,272,258
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1,757,643,269	3,075,515,293	3,929,573,386	8,762,731,948
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và xây dựng BĐS đầu tư	-	70,392,090	-	70,392,090
Tài sản				
Tài sản cố định	12,872,748,755		55,932,994,321	68,805,743,076
Các khoản phải thu	99,119,058,631	36,976,299,926	1,967,626,694	138,062,985,251
Hàng tồn kho	36,130,553,979	300,807,619,128		336,938,173,107
Tài sản chung				231,755,053,494
Tổng tài sản	148,122,361,365	337,783,919,054	57,900,621,015	775,561,954,928
Nợ phải trả bộ phận	59,417,947,466	52,851,926,122	1,128,215,995	113,398,089,583
Phải trả vay ngân hàng	136,189,775,978	138,295,800,000		274,485,575,978
Nợ phải trả không phân bổ				135,385,637,064
Tổng nợ phải trả				523,269,302,625

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là Xây lắp và Kinh doanh Bất động sản trong cùng khu vực địa lý không có sự khác biệt về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận được trình bày

2. Công cụ tài chính**2.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

2.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.14.

2.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2014 đồng	1/1/2014 đồng	30/09/2014 đồng	1/1/2014 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,802,496,907	21,331,489,263	24,802,496,907	21,331,489,263
Phải thu khách hàng	138,062,985,251	167,135,047,700	128,352,857,897	157,424,920,346
Phải thu khác	1,920,799,754	1,509,827,685	1,920,799,754	1,509,827,685
Cộng	164,786,281,912	189,976,364,648	155,076,154,558	180,266,237,294

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	60,263,521,039	72,025,779,006	60,263,521,039	72,025,779,006
Chi phí phải trả	47,231,157,819	48,767,918,354	47,231,157,819	48,767,918,354
Các khoản phải trả khác	73,637,746,708	65,787,848,860	73,637,746,708	65,787,848,860
Các khoản vay	274,485,575,678	282,759,402,754	274,485,575,678	282,759,402,754
Cộng	455,618,001,244	469,340,948,974	455,618,001,244	469,340,948,974

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoài trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)



Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	401,199,750,886	54,418,250,358	455,618,001,244
Các khoản vay	227,985,575,678	46,500,000,000	274,485,575,678
Phải trả người bán	60,263,521,039		60,263,521,039
Chi phí phải trả	47,231,157,819		47,231,157,819
Phải trả khác	65,719,496,350	7,918,250,358	73,637,746,708
Số đầu năm	403,781,901,729	65,559,047,245	469,340,948,974
Các khoản vay	232,759,402,754	50,000,000,000	282,759,402,754
Phải trả người bán	72,025,779,006		72,025,779,006
Chi phí phải trả	48,767,918,354		48,767,918,354
Phải trả khác	50,228,801,615	15,559,047,245	65,787,848,860

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Người lập biểu



Bùi Thị Hồng Nga

Kế toán trưởng



Văn Minh Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Người đại diện pháp luật



Trần Mai Cường